

Write these words into English

- | | |
|----------------|--------------------|
| 1. thư viện | 16. con dơi |
| 2. hồ bơi | 17. nóng hơn |
| 3. vấn đề | 18. bận rộn |
| 4. câu chuyện | 19. cái lồng |
| 5. viết | 20. dễ dàng |
| 6. đi lạc | 21. nước, quốc gia |
| 7. đi dã ngoại | 22. trời có gió |
| 8. chú hề | 23. cầu vồng |
| 9. nổi tiếng | 24. trời tuyết |
| 10. vui nhộn | 25. trời mưa |
| 11. ban đêm | 26. trời sấm sét |
| 12. thành phố | 27. nghịch ngợm |
| 13. nông thôn | 28. những con ruồi |
| 14. thị trấn | 29. mưa |
| 15. lớn nhất | 30. nóng |

31. ý kiến

32. đợi chờ

33. mời

34. khó

35. trường học

36. trang

37. ban ngày

38. cao

39. thấp

40. xin giúp đỡ